

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 231 /YC-BVĐKVP

Phú Thọ, ngày 14 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU
V/v Báo giá mua sắm đồ vải của Bệnh viện
Đa khoa Vĩnh Phúc.

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: “Mua sắm đồ vải của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Đơn vị mời báo giá: Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Phan Thị Hải Yến - Tổ mua sắm Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc.

Số điện thoại: 0962 09 3303.

Email: tomuasambvdkvp@gmail.com

Cách thức tiếp nhận báo giá :

- Nhận trực tiếp tại Tổ mua sắm - Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 1, Đường Tôn Thất Tùng, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ) hoặc qua các kênh chuyển phát.

- Đồng thời gửi qua email: tomuasambvdkvp@gmail.com (file scan + file excel/word báo giá + file scan các tài liệu liên quan)

3. Thời gian nhận báo giá: trước 10h ngày 24/8/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24/8/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa chi tiết tại Phụ lục I kèm theo văn bản này

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Số 1, Đường Tôn Thất Tùng, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ.

3. Yêu cầu về thời gian giao hàng hóa: Dự kiến trong vòng **60 ngày**, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Các thông tin khác: Nhà thầu thực hiện báo giá theo Mẫu báo giá tại Phụ lục II kèm theo văn bản này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD (Đề báo cáo);
- Phòng CTXH (Đăng tải Website Bệnh viện);
- Lưu: VT, TMSBV ĐKVP (02b).

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tịnh



Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu số: 231/YC-BVĐKVP ngày 14 / 8 /2026 của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
1	Săng thủ thuật 2 lỗ	100	Cái	Kích thước : (100 x 100) cm Săng có 2 lỗ, khoảng cách 2 lỗ là 15 cm, đường kính 10 cm Màu xanh két, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (±2)% cotton , 65,4 (±2)% Polyester 2/ Khối lượng: 207,9 (±2) g/m2. 3/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 4/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (±2); ngang: 222 (±2) 5/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (±2); ngang: 49,5 (±2). 6/ Độ bền với tẩy NaClO (Cấp 4-5). 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (±2); Ngang: -1,4 (±2). In logo Bệnh viện và chữ TNT (Khoa thận tiết niệu và lọc máu)
2	Săng thủ thuật	300	Cái	Kích thước : (50 x 50) cm Màu xanh két, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (±2) %cotton , 65,4 (±2)% Polyester 2/ Khối lượng: 207,9 (±2) g/m2. 3/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 4/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (±2); ngang: 222 (±2) 5/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (±2); ngang: 49,5 (±2). 6/ Độ bền với tẩy NaClO (Cấp 4-5). 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (±2); Ngang: -1,4 (±2). In logo Bệnh viện và chữ TNT (Khoa thận tiết niệu và lọc máu)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
3	Săng thủ thuật 1 lỗ	100	Cái	Kích thước : (80 x 80) cm Có 1 lỗ, đường kính 10 cm Màu xanh két, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện
4	Săng thủ thuật	200	Cái	Kích thước : (80 x 80) cm Màu xanh két, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
5	Săng phẫu thuật	600	Cái	Kích thước: (1.4 x 1.6) m Màu xanh kết, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %cotton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện
6	Áo choàng mổ	500	Cái	Cỡ XL May đo theo tiêu chuẩn catalogue bộ y tế - Áo dài tay cổ liền khâu trang 20x20cm, cổ tay bo chun bản rộng 6cm, có 5 dây buộc phía sau (mỗi dây dài 30cm) có đai to buộc thắt ngang bụng dài 150cm, bản rộng 1 cm, hai vạt áo phía sau đè qua nhau ≥ 10 cm 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 288,1 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 445 (± 2); ngang: 214 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 11,7 (± 2); ngang: 15,7 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 100 % Cotton 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). Hấp không bị cứng. Màu xanh lá cây. In logo bệnh viện.

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
7	Quần áo phẫu thuật viên	800	Bộ	Cỡ: XL, XXL Cỡ XL in số 2. (400 bộ). Cỡ XXL in số 3. (400 bộ). Áo cổ tim chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, túi xéo có chun, có dây rút, không có túi sau. - Màu xanh cổ vịt - Chất liệu: Oxford hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 150,8 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 284 (± 2); ngang: 246 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 34,3 (± 2); ngang: 34,3 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 35,5 (± 2)% Cotton , 64,5 (± 2)% Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). - Đường may 5cm, in logo theo tiêu chuẩn của bệnh viện. Áo in số vào phía trên túi ngực. Quần in số vào mép cạp quần bên phải, theo mẫu của bệnh viện.
8	Săng gô 02 lớp	100	Cái	Kích thước: (1.4 x 1.6) m Màu xanh kết, gồm 2 lớp vải. Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
9	Quần nội soi tiêu hóa	200	Cái	Kích thước: chiều dài 100 cm, vòng eo 80 – 90 cm Quần chun , không túi. Màu xanh, thùng ở đáy quần, có cúc bấm. 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 194,7 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 400 (± 2); ngang: 186 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 76 (± 2); ngang: 39,3 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 12,9 (± 2)% Cotton , 87,1 (± 2)% Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). In logo Bệnh viện
10	Quần áo trẻ em	100	Bộ	Theo mẫu của bệnh viện Dùng cho bệnh nhân nhi từ 10-15 tuổi Kích cỡ: May theo cỡ 1,2,3 Quy cách: Áo Pyjama tay dài, cổ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước 3 túi nữ, có đường viền màu xanh đậm dọc theo đường cúc áo. Quần chun , không túi. Màu xanh. 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 121,2 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 580 (± 2); ngang: 284 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 19,3 (± 2); ngang: 11,5 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 59,6 (± 2)% Cotton , 40,4 (± 2)% Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) In logo Bệnh viện 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). Áo in số vào mép phía trên túi ngực, in logo Bệnh viện phía trên túi ngực. Quần in số vào dưới mép cạp quần bên phải, theo mẫu của bệnh viện.

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
11	Ga trải giường	550	Cái	Kích thước: (Dài 190 x Rộng 120 x cao 7) cm Ga có chun, màu xanh hòa bình Thành phần chất liệu: Kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 200,4 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 455 (± 2); ngang: 203 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 59,3 (± 2); ngang: 34,2 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 12,9 (± 2) % cotton , 87,1 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.3 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -1,6 (± 2); Ngang: -0,9 (± 2). In logo Bệnh viện
12	Săng can thiệp tim mạch	200	Cái	Kích thước : (1.5 x 1.8) m Màu xanh kết, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %cotton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện và Khoa CTM

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
13	Săng can thiệp tim mạch 02 lỗ	100	Cái	Kích thước : (1.5 x 1.8) m Có 2 lỗ, cách nhau 20cm, đường kính lỗ là 10 cm Màu xanh kết, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaClO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %cotton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện và Khoa CTM
14	Săng can thiệp tim mạch 01 lỗ	100	Cái	Kích thước : (80 x 80) cm Có 1 lỗ, đường kính lỗ 10 cm Màu xanh kết, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaClO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %cotton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện và Khoa CTM

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
15	Săng kê tay	400	Cái	Kích thước : (40 x 40) cm Màu xanh kết, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2)%contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện và Khoa CTM
16	Săng can thiệp tim mạch 02 lớp	100	Cái	Kích thước : (1.5 x 1.7) m Màu xanh kết, gồm 2 lớp vải. Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện và Khoa CTM

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
17	Săng kê tay	150	Cái	Kích thước : (1.5 x 1.7) m Màu xanh kết, Chất liệu: kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In logo Bệnh viện và Khoa CTM
18	Bộ quần áo kỹ thuật viên	300	Bộ	Cỡ XXL Áo cổ tim chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, túi xéo có chun, có dây rút, không có túi sau. - Màu xanh cổ vịt - Chất liệu: Oxford hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 150,8 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 284 (± 2); ngang: 246 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 34,3 (± 2); ngang: 34,3 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 35,5 (± 2) % Cotton , 64,5 (± 2) % Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). - Đường may 5cm, Áo in số vào phía trên túi ngực. Quần in số vào mép cạp quần bên phải, theo mẫu của bệnh viện. In lô gô Bệnh viện và Khoa CTM.

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
19	Áo choàng can thiệp tim mạch dài tay	300	Cái	Theo mẫu của bệnh viện Cỡ XL - Áo dài tay cổ liền khâu trang 20x20cm, chiều dài áo tương ứng với cỡ XL, cổ tay bo chun bản rộng 6cm, có 5 dây buộc phía sau (mỗi dây dài 30cm) có đai to buộc thắt ngang bụng dài 150cm, bản rộng 1 cm, hai vạt áo phía sau đè qua nhau ≥ 10 cm 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 288,1 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 445 (± 2); ngang: 214 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 11,7 (± 2); ngang: 15,7 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 100 % Cotton 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). Hấp không bị cứng. Màu xanh lá cây. In logo bệnh viện và Khoa CTM
20	Áo sản	200	Cái	May theo mẫu của Bệnh viện Chiều dài áo 80 cm Áo cổ tròn, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, màu hồng Thành phần chất liệu 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 194,7 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 400 (± 2); ngang: 186 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 76 (± 2); ngang: 39,3 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 12,9 (± 2) % Cotton , 87,1 (± 2) % Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). In logo Bệnh viện

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
21	Váy sản	200	Cái	Dài 95 cm Váy suông rộng thoải mái, có dây rút. Màu theo màu áo Thành phần chất liệu 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 194,7 (± 2)g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 400 (± 2); ngang: 186 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 76 (± 2); ngang: 39,3 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 12,9 (± 2) % Cotton , 87,1 (± 2) % Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaClO (Cấp 4-5).
22	Áo bệnh nhân	1.000	Cái	May đo theo mẫu bệnh viện, màu xanh Cỡ XL in số 2 (500 cái). Cỡ XXL in số 3 (500 cái). Quy cách: Áo Pyjama tay dài, cổ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi nữ Thành phần chất liệu 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 194,7 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 400 (± 2); ngang: 186 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 76 (± 2); ngang: 39,3 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 12,9 (± 2)% Cotton , 87,1 (± 2)% Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaClO (Cấp 4-5). Áo in số vào mép phía trên túi ngực, in lô gô bệnh viện phía trên túi ngực

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
23	Quần bệnh nhân	1.000	Cái	Quần chun không túi. Màu xanh theo màu của áo Cỡ XL in số 2. (500 cái). Cỡ XXL in số 3. (500 cái). Thành phần chất liệu 1/ Kiểu dệt: Vân điểm 2/ Khối lượng: 194,7 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 400 (± 2); ngang: 186 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 76 (± 2); ngang: 39,3 (± 2) 5/ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 12,9 (± 2)% Cotton , 87,1 (± 2)% Polyester 7/ Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện (<16 ppm) 8/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). In lô gô bệnh viện
24	Săng gói bộ thay băng	300	Cái	Kích thước: (50 x 50) cm Màu xanh nhạt, chất liệu Kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaCLO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 600C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In lô gô bệnh viện

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ
25	Săng gói bộ cắt chỉ	200	Cái	Kích thước: (50 x 50) cm Màu xanh nhạt, chất liệu Kaki hoặc tương đương 1/ Kiểu dệt: vân chéo 3/1 2/ Khối lượng: 207,9 (± 2) g/m². 3/ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc : 460 (± 2); ngang: 222 (± 2) 4/ Độ bền xé rách (N): Dọc: 83,9 (± 2); ngang: 49,5 (± 2). 5/ Độ bền với tẩy NaClO (Cấp 4-5). 6/ Định tính và định lượng nguyên liệu: 34,6 (± 2) %contton , 65,4 (± 2)% Polyester 7/ Giá trị PH: 6.0 8/ Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô: Dọc: -2,9 (± 2); Ngang: -1,4 (± 2). In lô gô bệnh viện

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu số /YC-BVĐKVP ngày tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc)

TÊN ĐƠN VỊ:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 231/YC-BVĐKVP ngày 14/ 8 /2026 của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc về việc báo giá mua sắm đồ vải. Công ty..... xin gửi đến Quý Bệnh viện bản Báo giá và thông tin của hàng hóa cung cấp như sau:

1. Báo giá cung cấp

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú

- Đơn giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí khác có liên quan

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2026

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa trong báo giá là phù hợp, không vi phạm các quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá
- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))